

NHỮNG TRỤ CỘT CƠ BẢN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC KINH TẾ, QUẢN LÝ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH Ở VIỆT NAM TRONG WTO

*Nguyễn Thường Lạng**

Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO và dịch vụ giáo dục ngày càng trở thành một dịch vụ quan trọng trong các phân ngành dịch vụ cũng như toàn bộ nền kinh tế. Với hệ thống các cơ sở cung ứng dịch vụ giáo dục đang trên đà phát triển và đa dạng hoá, nhu cầu của xã hội về dịch vụ giáo dục kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh ngày càng lớn, tính tự chủ của các cơ sở đào tạo ngày càng tăng và cạnh tranh trong cung ứng dịch vụ giáo dục về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh ngày càng gay gắt. Cần phải phát triển các cơ sở đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh theo ba trụ cột cơ bản là đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung

ứng dịch vụ tư vấn để tạo nền tảng phát huy triệt để vai trò của các cơ sở đào tạo theo những nguyên tắc WTO cũng như để tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo này thực hiện được sứ mạng phát triển của mình trong xã hội. Đây cũng là điều kiện gắn kết cơ sở đào tạo với thực tiễn nhằm tạo động lực để phát triển các cơ sở đào tạo trong xu hướng hội nhập và gia tăng khả năng hội nhập sâu rộng của cơ sở cung ứng vào chuỗi giá trị dịch vụ giáo dục.

1. Ba trụ cột của cơ sở đào tạo

Các cơ sở đào tạo có tính chuyên nghiệp và nghề nghiệp đều coi trọng ba trụ cột trong cung ứng dịch vụ giáo dục bao gồm dịch vụ đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, dịch vụ nghiên cứu khoa học và dịch vụ tư vấn

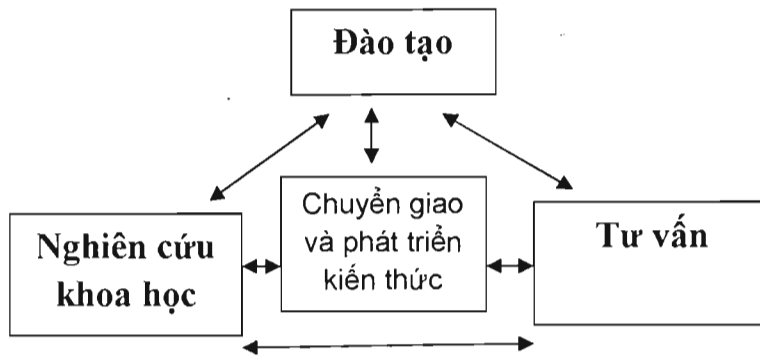
* Phó giáo sư, Tiến sĩ
Đại học Kinh tế Quốc dân

về quan điểm, chính sách quản lý và tư vấn quản trị doanh nghiệp. Giữa ba trụ cột này có mối quan hệ qua lại với nhau (xem Hình 1).

Ba trụ cột cơ bản trong cung ứng dịch vụ của một cơ sở đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh có mối quan hệ qua lại với nhau, tạo tiền đề cho nhau và hỗ trợ lẫn nhau. Mỗi một trụ cột này

vững vàng sẽ tạo điều kiện để tăng độ vững vàng của các trụ cột khác và ngược lại. Do đó, không được coi nhẹ trụ cột nào trong cả ba trụ cột này. Quá trình thực hiện các trụ cột đó trong cơ sở đào tạo có thể trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến quá trình chuyển giao kiến thức trong nhà trường và do đó góp phần nâng cao chất lượng của quá trình đào tạo.

Hình 1: Ba trụ cột trong cung ứng dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục chuyên nghiệp



Nguồn: Tác giả xây dựng

Thứ nhất, trụ cột về đào tạo sẽ trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng và rèn luyện thái độ phù hợp của họ với bản chất của lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh. Những kiến thức này bao gồm cả những kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên ngành, kiến thức đại học và sau đại học, những kiến thức nghề nghiệp và những kiến thức để phát triển. Quá trình đào tạo sẽ được tổ chức theo các hình thức và phương thức khác nhau như đào tạo chính quy, đào tạo theo phương thức vừa làm vừa học, đào tạo ngắn hạn, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp... Chất lượng

của trụ cột này phụ thuộc rất nhiều vào chương trình, hệ thống giáo trình, tài liệu, bài giảng, chất lượng của đội ngũ giáo viên và phương pháp giảng dạy, trình độ của người học và phương pháp học tập, môi trường học tập cũng như điều kiện vật chất, trang thiết bị đào tạo như hệ thống thư viện, mạng thông tin, hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng hội thảo... của cơ sở đào tạo. Trong điều kiện mở cửa thị trường giáo dục và xu hướng phát triển mạnh loại hình dịch vụ này theo hướng hội nhập, hệ thống thông tin, tư liệu, phương pháp giảng dạy của các

cơ sở đào tạo tiên tiến của các nước sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến việc nâng cao chất lượng của quá trình đào tạo của các cơ sở đào tạo tại Việt Nam.

Thứ hai, trụ cột về nghiên cứu khoa học tạo điều kiện để cơ sở đào tạo thực hiện được sứ mạng của mình về nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực giảng dạy hoặc các vấn đề nghiên cứu trong kinh tế học, quản lý và quản trị kinh doanh. Các vấn đề nghiên cứu còn bao gồm cả về mô hình lý thuyết, quan điểm, việc đưa ra các trường phái mới, các giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn mang tính quốc tế, khu vực, địa phương, ngành, doanh nghiệp... Trụ cột về nghiên cứu khoa học đòi hỏi rất lớn ở việc xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế để đánh giá mức độ đạt được của các nghiên cứu đồng thời xác định cụ thể phương pháp nghiên cứu phù hợp như nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng, phương pháp biện chứng, lịch sử... để giải quyết vấn đề đặt ra. Đối với trụ cột nghiên cứu khoa học, kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, đội ngũ các nhà nghiên cứu, cơ sở dữ liệu và vấn đề công bố các kết quả nghiên cứu cũng như bản quyền tác giả đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển mạnh trụ cột này. Đồng thời, việc xây dựng và phát triển đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành sẽ góp phần làm tăng thêm uy tín, thương hiệu và chất

lượng của cơ sở giáo dục trong hệ thống các cơ sở đào tạo. Bên cạnh đó, các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế về nghiên cứu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo sự vững vàng của trụ cột nghiên cứu khoa học do hiệu ứng của quá trình học hỏi và hợp tác. Nghiên cứu khoa học để tạo dựng đẳng cấp của cơ sở đào tạo được thể hiện ở việc đưa ra những nghiên cứu mang tính đột phá của một lĩnh vực về kinh tế, quản lý hoặc quản trị kinh doanh để từ đó đưa ra những nghiên cứu tiếp theo. Các bài báo quốc tế là những minh chứng cụ thể cho kết quả của các công trình nghiên cứu này ở đẳng cấp quốc tế. Cơ chế đánh giá các công trình nghiên cứu càng chặt chẽ và khách quan bao nhiêu sẽ làm cho chất lượng của các nghiên cứu càng cao bấy nhiêu.

Thứ ba, trụ cột về cung ứng dịch vụ tư vấn là trụ cột đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nền tảng phục vụ thực tiễn như đề xuất hệ thống các quan điểm, mục tiêu, phương hướng hoàn thiện các đường lối, chiến lược, chính sách và giải pháp để hoàn thiện một khâu yếu trong quản lý ở cấp quốc tế, khu vực, vùng, đất nước, ngành, phân ngành, địa phương... Các dịch vụ tư vấn về quản trị doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực chức năng của quản trị doanh nghiệp như chiến lược kinh doanh, tài chính, nhân sự, công nghệ, quản lý vận hành, marketing... hết sức cần thiết cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Thông qua các hoạt động cung ứng dịch vụ tư vấn, đội ngũ giáo viên có cơ hội phát triển trình độ chuyên môn, tăng khả năng giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn, tăng thêm thông tin, cập nhật bài giảng, làm phong phú thêm nội dung và tư liệu và gắn quá trình đào tạo với việc giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn. Việc gia tăng và đa dạng hoá dịch vụ tư vấn sẽ góp phần cải thiện và nâng cao kiến thức cũng như năng lực nghiên cứu khoa học. Đồng thời, hoạt động tư vấn còn nhằm phát triển cả nội dung đào tạo, tăng thêm các tình huống thực tiễn, tạo điều kiện để mở rộng các hoạt động nghiên cứu. Có thể thấy hoạt động tư vấn là cầu nối có hiệu quả giữa đào tạo, nghiên cứu và khảo sát sâu thực tiễn. Ở các nước có nền giáo dục kinh tế phát triển, dịch vụ tư vấn có thể mang lại nguồn thu cho ngân sách cơ sở đào tạo lên tới 30%.

2. Tình hình phát huy vai trò các trụ cột cơ bản của cơ sở giáo dục

Hệ thống các cơ sở giáo dục về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh ở Việt Nam hiện tại mang tính đa dạng rất lớn. Hệ thống này vừa mang tính tập trung vừa mang tính phân tán do hệ thống giáo dục Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi dần từ nền giáo dục vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà

nước định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước mở cửa và tích cực, chủ động liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế. Các hoạt động giáo dục về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh được thực hiện ở các cơ sở giáo dục thuộc khối kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hoặc ở các khoa, viện nghiên cứu và đào tạo kinh tế, quản lý hoặc quản trị kinh doanh của các cơ sở đào tạo thuộc khối tự nhiên, kỹ thuật hoặc khối khác. Do tính đa dạng của của hệ thống cho nên việc thực hiện các trụ cột của việc cung ứng dịch vụ giáo dục như đề cập cũng rất khác nhau. Về loại hình tổ chức các cơ sở giáo dục này bao gồm các cơ sở công lập, dân lập, tư thục, bán công, chương trình liên kết, liên thông đào tạo trong nước và cơ sở đào tạo nước ngoài...

Cho đến nay, có thể nói so với trước đây, các cơ sở cung ứng dịch vụ giáo dục về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh ở Việt Nam đã coi trọng dần dần cả ba trụ cột là đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ tư vấn cả về chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển, tư vấn quản trị doanh nghiệp...

Về đào tạo, các chương trình đào tạo đã được cải tiến và hoàn thiện liên tục theo hướng phát huy năng lực thực hành, kỹ năng nghề nghiệp cho người học, nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo của các trường đại học nước ngoài đã được đưa vào Việt Nam dưới nhiều hình thức

theo hướng chuyên giao công nghệ thông qua tài liệu, sử dụng chuyên gia nước ngoài và khảo sát, học tập ở nước ngoài. Có thể nói, nhiều giáo trình của các cơ sở đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh ở các cơ sở đào tạo tại Việt Nam đang tiếp cận dần với trình độ quốc tế. Nhiều chương trình liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục trong nước và nước ngoài đã được thực hiện có kết quả. Đồng thời, nguồn thu từ đào tạo vẫn là nguồn thu quan trọng và chủ yếu của các cơ sở giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, do nguồn thu có những sự kiểm soát nhất định, do đó, việc sử dụng nguồn thu từ đào tạo để đầu tư vào việc xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ giáo viên gặp những hạn chế nhất định. Hiện tại, chưa có nhiều cơ sở giáo dục mạnh dạn sử dụng ngân sách của cơ sở để đào tạo đội ngũ giáo viên trình độ thạc sỹ hoặc tiến sỹ ở nước ngoài. Hầu hết việc đào tạo này đều được thông qua các chương trình chính phủ thông qua của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Đề án 322 về Đào tạo cán bộ khoa học- kỹ thuật ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước), các quỹ cấp học bổng của nước ngoài hoặc các nguồn tự trang trải. Chương trình đào tạo các cơ sở giáo dục vẫn chịu sự quản lý chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các đại học quốc gia hoặc đại học vùng... về một số môn học đặc biệt là các môn khoa học lý luận chính trị. Tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm về chương

trình đào tạo của các cơ sở giáo dục về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh chưa cao. Việc tạo dựng bản sắc riêng của các cơ sở giáo dục chưa được phát huy có hiệu quả. Một vấn đề nảy sinh từ thực tiễn cho thấy do chất lượng giáo dục ở các cơ sở trong nước chưa đáp ứng kỳ vọng cao của người học cho nên đã có một bộ phận không ít sinh viên Việt Nam đã đi du học và đây là một trong những khía cạnh làm mất đi nguồn thu của các cơ sở giáo dục hoặc các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài với học phí khá cao đã làm “chảy” ngoại tệ ngay trong nước.

Về nghiên cứu khoa học, các cơ sở giáo dục đã thành lập các trung tâm, các viện nghiên cứu về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh. Nhiều chương trình, đề tài cấp nhà nước, đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp cơ sở đã được thực hiện. Đồng thời, các khoa, bộ môn, đơn vị... trong các cơ sở giáo dục đã chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường, coi trọng việc thực hiện các nghiên cứu với các cơ quan thực tiễn, địa phương hoặc các nghiên cứu hợp tác quốc tế, tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học cấp quốc tế, quốc gia, diễn đàn trao đổi phương pháp, kinh nghiệm nghiên cứu... Nhiều cơ sở giáo dục đã đạt được những kết quả quan trọng trong nghiên cứu khoa học về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh. Các bài báo khoa học do các giáo viên của các cơ sở giáo dục Việt Nam thực hiện đã

được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín đã góp phần làm tăng uy tín của các cơ sở giáo dục. Với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, chắc chắn trong tương lai, năng lực nghiên cứu của các cơ sở giáo dục về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh sẽ có thể được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, nguồn kinh phí sử dụng vào các hoạt động nghiên cứu khoa học vẫn chủ yếu được lấy từ ngân sách nhà nước. Đối với các cơ sở giáo dục dân lập, nguồn kinh phí sử dụng hạn chế cho nên hoạt động nghiên cứu khoa học chưa có những bước phát triển tương xứng với những yêu cầu đặt ra của một cơ sở giáo dục. Một thực tế đặt ra là nguồn kinh phí giành cho nghiên cứu ở các địa phương để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội hiện tại rất cần sự hỗ trợ của các cơ sở giáo dục chưa được giải quyết thoả đáng.

Về hoạt động tư vấn, các cơ sở giáo dục đã thành lập các trung tâm tư vấn về kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán, đầu tư, quản trị nhân lực, marketing, du lịch... Các trung tâm tư vấn này đã tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo tiếp cận với các vấn đề của thực tiễn như vấn đề hoàn thiện chính sách, quy hoạch, bộ máy, luận giải các cơ sở khoa học và thực tiễn của các quan điểm để phát triển các địa phương, ngành, khu vực, chiến lược kinh doanh, tư vấn pháp luật... nhằm tăng năng lực cạnh tranh khai thác có hiệu quả các nguồn lực của địa phương

và góp phần giải quyết các vấn đề đang được đặt ra tại địa phương, ngành, doanh nghiệp. Chẳng hạn, trường Đại học Kinh tế quốc dân tư vấn về “Mô hình tổng quát về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có những tổng kết thật cụ thể về những đóng góp của dịch vụ tư vấn này vào ngân sách của các cơ sở giáo dục ở Việt Nam. Về xu hướng có thể thấy, dịch vụ tư vấn về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh sẽ ngày càng gia tăng.

3. Những đề xuất đối với việc phát huy vai trò ba trụ cột của cơ sở giáo dục

Trong xu hướng mở rộng thương mại dịch vụ giáo dục theo các nguyên tắc của WTO là không phân biệt đối xử, minh bạch, mở cửa thị trường dịch vụ giáo dục theo các phương thức như tiêu dùng ngoài lãnh thổ, hiện diện thương mại, hiện diện thể nhân... trong giai đoạn chuyển đổi từ 5-7 năm, các cơ sở giáo dục cần phải chuẩn bị đầy đủ và đồng bộ các trụ cột cơ bản để tự khẳng định, thích nghi và phát triển trong môi trường cạnh tranh về dịch vụ giáo dục. Các cơ sở giáo dục nước ngoài đang tăng cường việc nghiên cứu thị trường dịch vụ giáo dục Việt Nam để chuẩn bị sự thâm nhập hợp lý khi Việt Nam thực hiện các cam kết mở cửa thị trường trong WTO. Những phương thức thường được lựa chọn chắc chắn sẽ là hiện diện thương

mại thông qua việc thành lập các cơ sở đào tạo của nước ngoài ở trong nước hoặc các chi nhánh của các trường đại học nước ngoài, chuyên gia nước ngoài vào giảng dạy hoặc nghiên cứu... Các cơ sở giáo dục nước ngoài đánh giá rất cao thị trường Việt Nam về giáo dục vì người Việt Nam có truyền thống lâu đời coi trọng việc đầu tư giáo dục cho con em.

Để thực hiện được sứ mạng của một cơ sở giáo dục về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, các cơ sở giáo dục cần có những giải pháp nhất định. Những giải pháp đó xoay quanh việc giải quyết các mối quan hệ cơ bản giữa nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô, giữa khía cạnh xã hội và khía cạnh thương mại trong cung ứng giáo dục, giữa nhu cầu xã hội và năng lực cung ứng dịch vụ giáo dục của các cơ sở giáo dục...

Thứ nhất, cần nhận thức đầy đủ về bản chất của thương mại dịch vụ giáo dục trong WTO. Thương mại dịch vụ giáo dục về bản chất không phải là “mua bằng, bán điếm” mà là quá trình cung ứng các dịch vụ giáo dục theo các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường hay còn gọi là “làm dịch vụ” giáo dục. Quá trình nâng cao chất lượng dịch vụ và việc tạo dựng thương hiệu của các cơ sở giáo dục là những vấn đề cần được coi trọng trong chiến lược phát triển của các cơ sở giáo dục. Những vấn đề về chính sách xã hội

trong giáo dục cần được đặt ra cụ thể và rõ ràng hơn để tạo khả năng nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục.

Thứ hai, phát triển mạnh trụ cột về đào tạo theo hướng đề cao chất lượng với việc bảo đảm số lượng hợp lý. Việc nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc tăng số lượng người học, đặc biệt là người học nước ngoài. Các trường đại học danh tiếng trên thế giới thường có khoảng 30-35% sinh viên quốc tế. Đây là một nguồn thu đáng kể trong ngân sách các trường đại học. Để phát triển mạnh trụ cột này, cần tăng tính tự chủ về chương trình của các cơ sở giáo dục để bảo đảm tính tương thích giữa các chương trình giáo dục của Việt Nam với chương trình của các cơ sở giáo dục trên thế giới. Đây là điều kiện cần để hội nhập chủ động và có hiệu quả về giáo dục. Đồng thời, nên tranh thủ các nguồn giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh của các cơ sở giáo dục có danh tiếng để làm “chuẩn so sánh” hoàn thiện học liệu các môn học ở các cơ sở đào tạo trong nước. Trước mắt nên mạnh dạn giành kinh phí đáng kể để mua bản quyền các giáo trình này làm tài liệu tham khảo và cũng để tránh vi phạm công ước Berne về bản quyền tác giả khi Việt Nam đã là thành viên của WTO, bảo đảm những chuẩn mực của đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục.

Thứ ba, coi trọng nghiên cứu khoa học và đầu tư nhiều hơn cho các hoạt động này. Đầu tư vào hoạt động nghiên cứu khoa học là một trụ cột không thể thiếu, xu hướng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh tạo nền tảng để hoàn thiện giáo trình, bài giảng, đóng góp mới vào sự phát triển của ngành khoa học và rèn luyện đội ngũ. Để đạt những kỷ lục mới trong khoa học, cần có những nghiên cứu có tính đột phá về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh gắn với điều kiện Việt Nam cũng như xu hướng phát triển của khoa học này của thế giới. Do đó, các cơ sở giáo dục cần có chương trình, kế hoạch đầu tư dài hạn và kiên trì, bền bỉ vào nghiên cứu và phát triển bao gồm nghiên cứu những vấn đề đang đặt ra của thế giới như vấn đề khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu..., của khu vực, của Việt Nam, của các ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức...Coi trọng việc phát triển các nhà khoa học đầu ngành và cố gắng tạo ra những chuyên gia quan trọng trong nghiên cứu, hướng tới những nghiên cứu tạo dựng đẳng cấp của cơ sở giáo dục. Cần khuyến khích sự sáng tạo và chủ động trong nghiên cứu của các cơ sở giáo dục, khoa, bộ môn, đơn vị... cá nhân trong tìm kiếm và thực hiện các đề tài nghiên cứu phù hợp.

Thứ tư, phát triển đa dạng dịch vụ tư vấn về kinh tế, quản lý và quản trị kinh

doanh. Các dịch vụ này cần được mở rộng theo nhu cầu của xã hội đồng thời cần tạo ra những nhu cầu mới về tư vấn như nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp, bộ phận, đơn vị, nhu cầu và cải thiện năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả tài chính... Các kết quả nghiên cứu khoa học có thể sử dụng trực tiếp vào tư vấn chính sách, quan điểm, đường lối, chiến lược, kế hoạch hoặc các công việc có tính tác nghiệp....

Thứ năm, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục để tạo khả năng vươn ra thị trường quốc tế về dịch vụ giáo dục khi các khoản trợ cấp của chính phủ bị giảm thiểu trong WTO. Để cạnh tranh bình đẳng với các cơ sở giáo dục nước ngoài khi mở cửa thị trường, các cơ sở giáo dục cần được tăng tính tự chủ về chương trình, giáo trình, bài giảng, đội ngũ giáo viên, chế độ thù lao giảng dạy, phát triển ... theo đúng quy định của Luật Giáo dục và các quy định pháp luật có liên quan khác. Do chưa có kinh nghiệm quản lý nhiều về việc tăng tính tự chủ của các cơ sở giáo dục trong nước, có thể sử dụng mô hình “điển hình” hoặc “thí điểm” để thực hiện có tính chất khảo sát về cơ chế quyền tự chủ này để hình thành cơ chế quản lý mới nhằm vượt qua những thách thức đối với ngành giáo dục Việt Nam hoặc xử lý vấn đề mang tính “phong trào” thiếu thực chất vật chất.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam- *Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X*- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2006.
2. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng- *Gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới- Cơ hội, thách thức và hành động của chúng ta*, Trang Web của Chính phủ.
3. *Các cam kết của Việt Nam trong WTO về dịch vụ giáo dục*